

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 251/SKH-CN

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 3 năm 2017

V/v đề xuất, đăng ký thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ năm 2018

VIỆN KH KT NN DUYÊN HẢI NTB	
ĐẾN	Số: 84
	Ngày: 21/3/17
	Chuyên:

Kính gửi: Viện K.H.K.T. Nông nghiệp chuyên hải
..... Nam Định Bộ

Căn cứ Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; kết quả khảo sát thực tế và trao đổi với UBND các huyện, thành phố về nhu cầu ứng dụng khoa học và công nghệ của các địa phương; Sở Khoa học và Công nghệ định hướng ưu tiên những nội dung chủ yếu để xác lập nhiệm vụ khoa học và công nghệ bắt đầu triển khai thực hiện từ năm 2018 (có dự kiến nội dung kèm theo).

Sở Khoa học và Công nghệ kính đề nghị lãnh đạo các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức khoa học và công nghệ, các tổ chức kinh tế quan tâm chỉ đạo lập PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2018 tại Biểu 1-PĐXNV (mẫu phiếu đề xuất kèm theo Công văn này và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi tại địa chỉ: <http://skh.quangngai.gov.vn>).

Phiếu đề xuất gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 30/5/2017 để tổng hợp trình Hội đồng tư vấn Khoa học và Công nghệ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ Sở, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, P.QLKH.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thành



PHIẾU ĐỀ XUẤT
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2018 (*)

1. Tên nhiệm vụ (Đề tài, Đề án khoa học, Dự án SXTN hoặc Dự án KH&CN)
2. Tính cấp thiết (tầm quan trọng, bức xúc, cấp bách hoặc tác động lớn, ảnh hưởng lâu dài đến đời sống kinh tế-xã hội của tỉnh)
3. Mục tiêu cần đạt được
4. Các nội dung chính và các hoạt động chủ yếu:
 - 4.1. Các nội dung chính
 - 4.2. Các hoạt động chủ yếu
5. Sản phẩm KH&CN dự kiến:
 - 5.1. Sản phẩm khoa học
 - 5.2. Sản phẩm vật chất
6. Địa chỉ ứng dụng
7. Dự kiến hiệu quả đem lại
8. Dự kiến thời gian thực hiện (số tháng)
9. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện (Trong đó: Nguồn sự nghiệp KH&CN, nguồn khác và phân theo từng năm)
10. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KH&CN):
 - 10.1 Xuất xứ hình thành
(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KH&CN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài. Nếu là dự án KH&CN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...);
 - 10.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: (Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...)
11. Đơn vị/cá nhân đề xuất (Ghi rõ tên cơ quan đơn vị/ họ và tên cá nhân; địa chỉ, số điện thoại).

....., ngày tháng năm 2017

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

(Họ, tên và chữ ký- đóng dấu đối với tổ chức)

* Phiếu đề xuất trình bày không quá 04 trang giấy khổ A4

21. Thực nghiệm mô hình nuôi ong lấy mật trong vùng rừng Quế Trà Bồng.
 22. Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ KHCN phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng trang trại và giết mổ tập trung tại Trà Bồng.
 23. Bảo tồn và phát triển vùng "ớt xiêm tự nhiên" Sơn Hà".
 24. Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ KHCN phát triển mô hình nuôi trùn quế ở hộ gia đình.
 25. Điều tra, khảo sát, đánh giá, xác định giá trị nguồn dược liệu mangan trên đất Sơn Hà và một số huyện miền núi của tỉnh.
 26. Nghiên cứu thực nghiệm nuôi trồng một số cây con đặc hữu của địa phương thành hàng hóa thương phẩm như: cua đá, ốc đá, cá niên; rau ranh, rau dớn, rau mìn,...
 27. Nghiên cứu xử lý thực trạng ô nhiễm tại các Hồ điều hòa ở Thành phố Quảng Ngãi.
 28. Nghiên cứu chọn lọc và sử dụng nguồn nấm men *Saccharmyces Carbergensis* có khả năng tạo ra nhiều loại hợp chất có mùi thơm để nâng cao chất lượng sản xuất Bia.
 29. Nghiên cứu sản xuất chế phẩm vi sinh chức năng và phân hữu cơ vi sinh phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững.
 30. Xác lập cơ cấu cây trồng hiệu quả trên vùng đất cát ven biển của tỉnh.
 31. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng, phát triển mô hình kinh tế vườn rừng bền vững ở các huyện miền núi của tỉnh.
 32. Xây dựng, quản lý, phát triển bền vững chuỗi sản phẩm đặc sản của tỉnh phục vụ du lịch, thương mại.
-